

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 10 năm 2020

BẢNG TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN CỦA SINH VIÊN
Hệ Cao đẳng

Học kỳ: II

Năm học: 2019 - 2020

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	CD11802256	Cao Hữu	Huy	C18_CDT01	10	12	2	25	12	15	9	85	Tốt	
2	CD11801238	Trần Gia	Huy	C18_CDT01	10	12	2	25	10	15	8	82	Tốt	
3	CD11801110	Bùi Tấn	Quý	C18_CDT01	10	12	2	25	10	15	8	82	Tốt	
4	CD31806161	Đặng Thanh	Bảo	C18_DDT01	9	12	6	25	5	13	9	79	Khá	**
5	CD31803381	Nguyễn Thành	Duyên	C18_DDT01	10	12	6	25	10	13	10	86	Tốt	
6	CD31801461	Nguyễn Văn Minh	Thuận	C18_DDT01	10	12	8	25	13	13	10	91	Xuất sắc	
7	CD31804031	Phạm Quang	Tường	C18_DDT01	10	9	4	25	7	13	9	77	Khá	**
8	CD51500162	Nguyễn Dương Hoàng	Ân	C18_TH01	10	12	0	20	0	15	2	59	Trung bình	**
9	CD51509021	Nguyễn Minh	Châu	C18_TH01	10	9	0	25	10	15	2	71	Khá	
10	CD51802756	Tất Nghệ	Cường	C18_TH01	9	6	1	25	5	15	2	63	Trung bình khá	
11	CD51806147	Vương Tuấn	Đạt	C18_TH01	10	8	1	25	5	15	2	66	Trung bình khá	
12	CD51804216	Phạm Trung Hoàng	Giang	C18_TH01	10	12	0	20	15	15	2	74	Khá	
13	CD51806355	Trần Minh	Hòa	C18_TH01	10	12	2	25	0	15	2	66	Trung bình khá	
14	CD51806476	Koóng Giang Vũ	Hưng	C18_TH01	10	8	0	25	5	15	2	65	Trung bình khá	**
15	CD51806394	Trần Huỳnh Tiến	Hưng	C18_TH01	9	8	2	25	5	15	2	66	Trung bình khá	
16	CD51806373	Trần Quang	Khang	C18_TH01	10	10	2	18	8	15	2	65	Trung bình khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
17	CD51803061	Trương Tri	Khanh	C18_TH01	8	6	0	25	0	15	2	56	Trung bình	
18	CD51801001	Trương Duy	Linh	C18_TH01	10	12	2	25	5	15	2	71	Khá	
19	CD51806180	Trịnh Thông	Long	C18_TH01	10	8	0	25	10	15	2	70	Khá	
20	CD51800576	Tạ Phú	Minh	C18_TH01	9	6	0	25	5	15	2	62	Trung bình khá	
21	CD51806196	Trần Minh	Nghĩa	C18_TH01	10	8	0	19	7	15	2	61	Trung bình khá	
22	CD51806145	Nguyễn Thành	Ngôn	C18_TH01	10	8	0	25	5	15	2	65	Trung bình khá	
23	CD51803835	Nguyễn Minh	Thiện	C18_TH01	10	8	0	25	0	15	2	60	Trung bình khá	**
24	CD51806422	Đào Ngọc	Tiến	C18_TH01	10	9	0	25	0	15	2	61	Trung bình khá	
25	CD51806203	Lê Thị Tú	Xương	C18_TH01	10	9	2	25	5	15	2	68	Trung bình khá	
26	CD71800727	Đông Vũ	Anh	C18_KD01	10	6	8	25	4	15	2	70	Khá	
27	CD71806526	Nguyễn Đức	Duy	C18_KD01	10	12	8	25	6	15	2	78	Khá	
28	CD71801195	Nguyễn Lưu Anh	Duy	C18_KD01	10	12	8	25	4	15	2	76	Khá	
29	CD71806506	Nguyễn Quốc	Duy	C18_KD01	10	12	8	25	4	15	2	76	Khá	
30	CD71804038	Hoàng Thị Anh	Đào	C18_KD01	10	6	8	25	4	15	2	70	Khá	
31	CD71802959	Trần Tấn	Đạt	C18_KD01	10	6	8	25	4	15	2	70	Khá	
32	CD71803594	Đinh Thị Thu	Hà	C18_KD01	10	12	8	25	1	15	2	73	Khá	**
33	CD71806334	Nguyễn Duy	Hải	C18_KD01	10	8	8	25	4	15	9	79	Khá	
34	CD71806186	Phạm Hoàng	Hải	C18_KD01	10	12	8	25	6	15	2	78	Khá	
35	CD71806155	Tiêu Vinh	Hào	C18_KD01	10	12	8	25	4	15	9	83	Tốt	
36	CD71801408	Ngô Minh	Hiền	C18_KD01	0	6	0	0	0	0	2	8	Kém	
37	CD71806264	Trịnh Huy	Hoàng	C18_KD01	10	6	8	25	4	15	2	70	Khá	
38	CD71806398	Trương Gia	Huệ	C18_KD01	10	6	8	25	4	15	2	70	Khá	
39	CD71806200	Lữ Phạm Minh	Huy	C18_KD01	10	9	8	25	4	15	2	73	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
40	CD71804183	Phan Thanh	Huy	C18_KD01	10	12	8	25	4	15	2	76	Khá	
41	CD71800185	Hà Duy	Mẫn	C18_KD01	10	12	8	25	4	15	2	76	Khá	
42	CD71801072	Nguyễn Lê Kiều	Nga	C18_KD01	10	12	8	25	4	15	2	76	Khá	
43	CD71704620	Huỳnh Thị Thảo	Nguyên	C18_KD01	10	6	0	19	5	15	2	57	Trung bình	
44	CD71806345	Nguyễn Thị	Nhớ	C18_KD01	10	9	8	25	4	15	9	80	Tốt	
45	CD71806487	Lê Đăng	Ninh	C18_KD01	10	6	8	25	4	15	2	70	Khá	
46	CD71800588	Lê Anh	Phúc	C18_KD01	10	9	8	25	6	15	2	75	Khá	
47	CD71800515	Trần Thị Mỹ	Phụng	C18_KD01	10	9	8	25	6	15	2	75	Khá	
48	CD71701227	Nguyễn La Phú	Thành	C18_KD01	10	6	8	25	6	15	2	72	Khá	
49	CD71800093	Nguyễn Trần Thanh	Thảo	C18_KD01	10	9	8	25	6	15	2	75	Khá	
50	CD71804229	Bùi Nguyễn Kim	Toàn	C18_KD01	10	6	8	25	6	15	2	72	Khá	
51	CD71806222	Nguyễn Thùy Thanh	Trúc	C18_KD01	10	12	8	25	6	15	2	78	Khá	
52	CD81802402	Lương Tuấn	Huy	C18_XD01	8	8	4	21	1	11	9	62	Trung bình khá	**
53	CD81802755	Lưu Thế	Thịnh	C18_XD01	8	8	4	21	1	11	9	62	Trung bình khá	**
54	CD91800896	Phạm Huỳnh Gia	Lâm	C18_TK3DH	10	12	0	25	0	5	2	54	Trung bình	
55	CD91806153	Lâm Kim	Châu	C18_TK4NT	10	12	1	25	0	15	2	65	Trung bình khá	

Ghi chú:

1. Các mục cộng điểm:

*: SV đạt thành tích đặc biệt trong học tập và rèn luyện (được khen thưởng từ các cấp).

2. Các mục bị trừ điểm:

**: SV không thực hiện/Không đạt Đánh giá thể lực năm học 2019-2020.